

介護の言葉と漢字ハンドブック(ベトナム語版) 正誤表

ページ	単漢字	熟語	修正事項	正	誤
12	従	専従者	熟語の削除	熟語「専従者」ごと一行削除	熟語「専従者」について記載がある
42	一	極刻み	ベトナム訳の変更	đồ ăn bằm nhuyễn	cá nướng
98	忘	物忘れ	熟語の後ろに「(する)」を追加	物忘れ (する)	物忘れ
167	込	差し込み	ベトナム語訳の追加	chèn vào, cắm vào, con đầu thắt, đầu nhói (ở bao tử...)	chèn vào, cắm vào
203	周	周知	ベトナム語訳の変更	mọi người biết	nổi tiếng